

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ LA GI
TỈNH BÌNH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 100/2022/HS-ST

Ngày: 24-11-2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ LA GI, TỈNH BÌNH THUẬN**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm, gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Phương;

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Quang và ông Nguyễn Ngọc

Tài;

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Mai Thị Thanh - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã La Gi;

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã La Gi tham gia phiên tòa: Ông Bùi Văn Đông - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 11 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã L xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 89/2022/TLST-HS ngày 26/10/2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 88/2022/QĐST-HS ngày 01/11/2022 của Tòa án nhân dân thị xã L, đối với các bị cáo:

1. NGUYỄN RẠNG Đ, (*Tên gọi khác: Đông Ri*), sinh năm: 1999 tại B;

HKTT: Thôn Tân Lý 1, xã Tân B, thị xã L, tỉnh B;

Chỗ ở hiện nay: Thôn Tân Lý 1, xã Tân B, thị xã L, tỉnh B;

Nghề nghiệp: Không; Trình độ học vấn: 6/12; Dân tộc: Kinh;

Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam;

Con ông Nguyễn Ngọc T và bà Trần Thị Kim N;

Vợ, con: Chưa có;

Gia đình có 02 chị em; Bị cáo là con thứ hai;

Tiền sự: Không;

Tiền án:

- Ngày 28/12/2017, bị Tòa án nhân dân thị xã L xử phạt 15 tháng tù về tội “Cướp giật tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 136 Bộ luật Hình sự năm 1999 (sửa đổi bổ sung năm 2009) tại Bản án số 98/2017/HSST; chấp hành xong hình phạt tù vào ngày 16/01/2019;

- Ngày 25/11/2019, bị Tòa án nhân dân thị xã L xử phạt 02 năm 6 tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017) tại Bản án số 96/2019/HS-ST; chấp hành xong hình phạt tù vào ngày 21/12/2021.

- Nhân thân: Ngày 21/7/2022, bị Cơ quan CSĐT Công an thị xã L ra Quyết định khởi tố bị can số 84 về tội “Cướp giật tài sản” theo quy định tại khoản 2 Điều 171 Bộ luật Hình sự.

- Nguyễn Rạng Đ hiện đang bị tạm giam tại Nhà Tạm giữ Công an thị xã L trong vụ án khác. *Có mặt tại phiên tòa.*

2. TRẦN NGỌC S, (*Tên gọi khác: Sơn Nhóc*), sinh năm: 1991 tại B;

HKTT: Khu phố 3, phường Bình T, thị xã L, tỉnh B;

Chỗ ở hiện nay: Khu phố 5, phường Bình T, thị xã L, tỉnh B;

Nghề nghiệp: Bốc vác; Trình độ học vấn: 12/12; Dân tộc: Kinh;

Giới tính: Nam; Tôn giáo: Phật giáo; Quốc tịch: Việt Nam;

Con ông Trần Ngọc H và bà Lương Thị L;

Vợ: Võ Huỳnh Thơ Th; con: có 02 con, con lớn sinh năm 2016; con nhỏ sinh năm 2022;

Gia đình có 02 anh em; Bị cáo là con đầu;

Tiền sự: Không;

Tiền án:

+ Ngày 26/10/2017, bị Tòa án nhân dân thị xã L xử phạt 02 năm 6 tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo quy định tại khoản 1 Điều 194 Bộ luật Hình sự năm 1999, (sửa đổi bổ sung năm 2009) tại Bản án số 73/2017/HSST;

+ Ngày 22/3/2018, bị Tòa án nhân dân thị xã L xử phạt 02 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 138 Bộ luật Hình sự năm 1999, (sửa đổi bổ sung năm 2009) tại Bản án số 19/2018/HS-ST. Tổng hợp hình phạt 02 năm 6 tháng tù của Bản án số 73/2017/HSST ngày 26/10/2017 và buộc Trần Ngọc Sơn phải chấp hành hình phạt chung là 04 năm 6 tháng tù. Đến ngày 07/01/2021, chấp hành xong hình phạt tù, hiện chưa được xoá án tích.

- Nhân thân: Ngày 22/4/2014, bị Tòa án nhân dân thị xã L xử phạt 06 tháng tù về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” theo quy định tại khoản 1 Điều 250 Bộ luật hình sự năm 1999, (sửa đổi bổ sung năm 2009) tại Bản án số 28/2014/HSST.

Trần Ngọc S bị bắt ngày 22/9/2022, hiện đang bị tạm giam tại Nhà Tạm giữ Công an thị xã L. *Có mặt tại phiên tòa*

* *Bị hại:* Lâm Hoàng D, sinh năm: 1994 (*Có đơn xin vắng mặt*)

Địa chỉ: Thôn Hiệp Thành, xã Tân H, thị xã L, tỉnh B.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Rạng Đ có thiếu tiền Trần Ngọc S, nên khoảng 05 giờ ngày 18/6/2022, Đ hẹn S đến cầu Đá Dựng thuộc phường T để trả nợ. Khi gặp S, Đ nói với S là chở Đ đến xã Tân H để Đ lấy tiền trả nợ cho S thì S đồng ý.

Sau đó, S điều khiển xe mô tô biển số 86B7-074.62 (xe của Trần Thị Thanh V) chở Đ chạy về hướng xã Tân H. Trên đường đi, Đ nói với S là chở Đ lên xã Tân H để đi trộm cắp tài sản. Nghe vậy, S vẫn đồng ý điều khiển xe mô tô chở Đ lên Tân H để tìm tài sản sơ hở trộm cắp. Đến khoảng 06 giờ sáng cùng ngày, S điều khiển xe mô tô chở Đ đến thôn Hiệp Thành, xã Tân H thì Đ phát hiện thấy xe mô tô biển số 86B4-302.17 của anh Lâm Hoàng D đang dựng trước cổng chùa Phước Linh, trên xe cắm sẵn chìa khóa.

Thấy không có ai nên Đ nói S điều khiển xe quay lại chỗ dựng xe mô tô biển số 86B4 - 302.17. S biết Đ kêu quay lại là để lấy trộm xe mô tô 86B4 - 302.17 nhưng S vẫn làm theo.

Khi quay lại gần chỗ dựng xe mô tô 86B4 - 302.17, Đ nhảy xuống đi bộ tới mở khóa, rồi điều khiển xe mô tô 86B4 - 302.17 xe tẩu thoát. Còn S thì điều khiển xe chạy chậm ngược chiều bên lề đường và quay đầu lại quan sát, khi thấy Đ đã lấy trộm được xe mô tô 86B4 - 302.17, S điều khiển xe chạy về phòng trọ của mình ở phường Tân T. Sau khi lấy trộm được xe mô tô biển số 86B4 - 302.17, Đ tìm nơi tiêu thụ nhưng không được nên đã đưa xe mô tô biển số 86B4 - 302.17 cho bạn gái là Bùi Mai P để sử dụng. Đến ngày 18/7/2022, hành vi trộm cắp chiếc xe mô tô 86B4 - 302.17 của Nguyễn Rạng Đ và Trần Ngọc S bị phát hiện, Cơ quan CSĐT Công an thị xã L đã thu giữ được xe mô tô 86B4 - 302.17 để xử lý theo quy định của pháp luật.

Đối với xe mô tô 86B7-074.62, quá trình điều tra xác định đây là xe Trần Ngọc S mượn của Trần Thị Thanh V để đi làm, V không biết S dùng xe trên làm phương tiện thực hiện hành vi phạm tội, nên Cơ quan CSĐT Công an thị xã L không tiến hành thu giữ.

Tại Kết luận định giá tài sản số 47/KL-ĐGTS ngày 28/7/2022 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thị xã L kết luận: 01 xe mô tô hiệu Yamaha loại Exciter, màu xanh trắng, dung tích 135, số máy 55P1485300, số khung RLCE55P10EY485292, BKS: 86B4-302.17, đăng ký lần đầu ngày 18/5/2022, đã qua sử dụng, còn hoạt động, có giá trị là: 13.000.000 đồng.

Vật chứng vụ án gồm: 01 xe mô tô BKS: 86B4-302.17, hiện Cơ quan CSĐT Công an thị xã L đã trả cho chủ sở hữu Lâm Hoàng D.

Về dân sự: sau khi nhận lại xe mô tô 86B4-302.17, Lâm Hoàng D không có yêu cầu bồi thường gì về dân sự.

Cáo trạng số 99/CT-VKSLG-HS ngày 25/10/2022 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã L đã truy tố bị cáo Nguyễn Rạng Đ phạm tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại điểm g khoản 2 Điều 173 của Bộ luật hình sự; bị cáo Trần Ngọc S phạm tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa,

- Các bị cáo Nguyễn Rạng Đ và Trần Ngọc S đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thị xã L đã truy tố.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã L đã phân tích hành vi phạm tội của các bị cáo, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên các bị cáo Nguyễn Rạng Đ và Trần Ngọc S phạm tội “Trộm cắp tài sản” như nội dung Cáo trạng; xem xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ khi quyết định mức hình phạt đối với các bị cáo. Đề nghị:

+ Áp dụng: Điểm g khoản 2 Điều 173, điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Rạng Đ từ 03 năm đến 04 năm tù;

+ Áp dụng: Khoản 1 Điều 173, điểm s khoản 1 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự. Xử phạt: Bị cáo Trần Ngọc S từ 02 năm đến 02 năm 06 tháng tù.

Ý kiến của các bị cáo: Các bị cáo đồng ý với nội dung Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thị xã L đã truy tố, xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về tính hợp pháp của hành vi, quyết định tố tụng trong điều tra, truy tố, xét xử.

Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an thị xã L, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thị xã L, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục, quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến, hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Ngày 18/6/2022, Nguyễn Rạng Đ nhờ Trần Ngọc S điều khiển xe mô tô chở tới xã Tân H để trộm cắp tài sản thì S đồng ý. Sau đó, S đã chở Đ tới trước cổng chùa Phước Linh thuộc thôn Hiệp Thành, xã Tân H lấy trộm xe mô tô BKS: 86B4-302.17 của Lâm Hoàng D.

Tại Kết luận định giá tài sản số 47/KL-ĐGTS ngày 28/7/2022 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thị xã L kết luận: 01 xe mô tô hiệu Yamaha loại Exciter, màu xanh trắng, dung tích 135, số máy 55P1485300, số khung RLCE55P10EY485292, BKS: 86B4-302.17, đăng ký lần đầu ngày 18/5/2022, đã qua sử dụng, còn hoạt động, có giá trị là: 13.000.000 đồng.

Hành vi nêu trên của Nguyễn Rạng Đ và Trần Ngọc S đã phạm vào tội “Trộm cắp tài sản”, tội phạm và hình phạt được quy định tại Điều 173 Bộ luật hình sự.

Đối với bị cáo Trần Ngọc S phải chịu trách nhiệm hình sự về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Đối với bị cáo Nguyễn Rạng Đ phạm tội lần này là thuộc trường hợp “Tái phạm nguy hiểm”, đây là tình tiết định khung hình phạt nên Nguyễn Rạng Đ phải chịu trách nhiệm hình sự về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Đây là vụ án có đồng phạm giản đơn, trong đó Nguyễn Rạng Đ là người khởi xướng, rủ rê, thực hành tích cực; Trần Ngọc S là người giúp sức.

Hành vi phạm tội của Nguyễn Rạng Đ và Trần Ngọc S là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của người khác, đồng thời gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh chính trị tại địa phương nên cần phải xử lý nghiêm để răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung.

[4] Về trách nhiệm dân sự: Sau khi nhận lại xe mô tô 86B4-302.17, Lâm Hoàng D không có yêu cầu bồi thường gì về dân sự, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về tình tiết tăng nặng: Trần Ngọc S phạm tội lần này là thuộc trường hợp tái phạm.

[6] Về tình tiết giảm nhẹ: Nguyễn Rạng Đ và Trần Ngọc S thành khẩn khai báo.

[7] Về vật chứng vụ án:

01 xe mô tô BKS: 86B4-302.17, hiện Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã L đã trả cho chủ sở hữu Lâm Hoàng D, nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

[8] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Các bị cáo Nguyễn Rạng Đ và Trần Ngọc S đều phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

- Áp dụng: Điểm g khoản 2 Điều 173, điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Rạng Đ 04 (*bốn*) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

- Áp dụng: Điểm khoản 1 Điều 173, điểm s khoản 1 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Trần Ngọc S 02 (*hai*) năm 06 (*sáu*) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 22/9/2022.

2. Án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy

ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Các bị cáo Nguyễn Rạng Đ và Trần Ngọc S, mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

3. Quyền kháng cáo: Các bị cáo có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị hại có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bình Thuận;
- VKSND thị xã La Gi;
- Công an thị xã La Gi;
- CQTHAHS Công an tỉnh Bình Thuận;
- Những người tham gia tố tụng;
- Chi cục THADS thị xã La Gi;
- UBND địa phương bị cáo cư trú;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thanh Phương